

Số: 12/2023/QĐCNHGT-DS

TP. Yên Bái, ngày 02 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ vào các Điều 32, Điều 33, Điều 34 và Điều 35 của Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 323, Điều 327, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; anh Trần Đức Toàn; chị Phạm Thu Thảo và ông Trần Xuân Tư.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

1. Người khởi kiện: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (viết tắt Agribank); địa chỉ: Số 0x, đường L, phường Th, quận B, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh H, chức vụ: Giám đốc Agribank Chi nhánh Bắc Yên Bái (theo văn bản ủy quyền số 2655/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc Agribank về việc: “Ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án”. Địa chỉ: Số 1xx, đường Ng, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn H- Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng hộ sản xuất và cá nhân Agribank Chi nhánh Bắc Yên Bái (theo giấy ủy quyền ngày 10/7/2023).

2. Người bị kiện: Ông Trần Đức T1, sinh năm 19xx và bà Phạm Thu Th, sinh năm 19xx. Người đại diện theo ủy quyền của ông T1 là bà Phạm Thu Th, theo giấy ủy quyền ngày 13/7/2023. Cùng địa chỉ: Tổ 0x (tổ 1x cũ), Phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Xuân T2, sinh năm 194x. Người đại diện theo ủy quyền của ông T2 là bà Trần Thị Tuyết Nh, sinh

năm 197x, theo giấy ủy quyền ngày 13/7/2023. Cùng trú tại: Tổ 0x, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 17 tháng 7 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 17 tháng 7 năm 2023, cụ thể như sau:

1.1. Về nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 100/2021/ĐTD-480 ngày 13/8/2021: Ông Trần Đức T1 và bà Phạm Thu Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày 16/7/2023 là 2.803.367.630 đồng (Hai tỷ tám trăm linh ba triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng).

+ Nợ lãi: 303.367.630 đồng (Ba trăm linh ba triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi đồng), (Nợ lãi trong hạn: 210.361.645 đồng (Hai trăm mười triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng); Nợ lãi quá hạn: 90.014.382 đồng (Chín mươi triệu không trăm mười bốn nghìn ba trăm tám mươi hai đồng); Nợ lãi chậm trả: 2.991.603 đồng (Hai triệu chín trăm chín mươi một nghìn sáu trăm linh ba đồng)).

Kể từ ngày 17/7/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Đức T1, bà Phạm Thu Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp ông T1, bà Th không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ khoản tiền nêu trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 93/2020/HĐTC-480 ngày 10/11/2020 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 93/2020/HĐTC-480 ngày 13/08/2021 để thu hồi nợ.

- Tài sản bảo đảm gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 106942, Số vào sổ cấp GCNQSD: H2094 do Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái cấp ngày 24/07/2008, đứng tên ông - Trần Xuân T2, cụ thể:

Thửa đất:

Thửa đất số 03; Tờ bản đồ số 33-B-I- c, Địa chỉ: Tổ 0x (tổ 1x cũ), phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Diện tích: 200m² (Hai trăm mét vuông); Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị (ODT); Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. (có sơ đồ kết quả xem xét hiện trạng thửa đất kèm theo).

Tài sản gắn liền với đất:

- 01 Nhà ở; Địa chỉ: Tổ 0x (tổ 1x cũ), phường Đ, thành phố Y; Diện tích xây dựng: 92,4m²; Kết cấu: Nhà tường xây 220, đổ mái bằng, chống nóng; Cấp (Hạng): Cấp 4; Số tầng: 01 tầng. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông T1, bà Th vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng Agribank cả gốc, lãi theo hợp đồng. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà còn thừa thì Ngân hàng Agribank có nghĩa vụ trả lại cho ông T1, bà Th.

1.2. Về chi phí xem xét hiện trạng tài sản liên quan đến vụ việc dân sự (chuyển từ chi phí tố tụng khác sang): Ông Trần Đức T1 và bà Phạm Thu Th phải chịu 7.200.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng số tiền 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng Agribank có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T1, bà Th không thanh toán hết số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP. Yên Bái;
- THADS TP. Yên Bái;
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Người có QLVN liên quan;
- Lưu hồ sơ, TA, KT.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Thị Độ